



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2019

Ngành:

Piano

Mã số ngành:

7210208

Số tín chỉ tích lũy:

133 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
I.1.01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
I.1.02	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
I.1.03	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
I.1.04	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
I.1.05	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			6	6	0	0	0	0	
I.2.01	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
I.2.02	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
I.3.01	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
I.4.01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
I.5.01	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.5.02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
I.6.01	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
I.7. Nghệ thuật đại cương			15	15	0	0	0	0	
I.7.01	ART240	Tiếng Anh chuyên ngành nghệ thuật	3	3					
I.7.02	ART226	Lịch sử Âm nhạc phương Tây 1	2	2					
I.7.03	ART227	Lịch sử Âm nhạc phương Tây 2	2	2					ART226
I.7.04	ART228	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	2	2					
I.7.05	ART238	Phân tích âm nhạc 1	3	3					
I.7.06	ART239	Phân tích âm nhạc 2	3	3					ART238
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	51	19	0	0	9	
II.1. Kiến thức cơ sở			26	21	0	0	0	0	
II.1.01	ART316	Ký xướng âm 1	3	3					
II.1.02	ART318	Ký xướng âm 2	3	3					ART316
II.1.03	ART320	Ký xướng âm 3	3	3					ART318
II.1.04	ART350	Ký xướng âm 4	3	3					ART320
II.1.05	ART351	Ký xướng âm 5	3	3					ART350
II.1.06	ART362	Ký xướng âm 6	3	3					ART351
II.1.07	ART308	Hòa âm 1	3	3					
II.1.08	ART309	Hòa âm 2	3	3					ART308
II.1.09	ART317	Hòa âm 3	2	2					
II.2. Kiến thức chuyên ngành			49	30	19	0	0	0	

STT (1)	Mã HP (2)	Tên học phần (3)	Số tín chỉ						Mã HP học trước (10)
			Tổng (4)	LT (5)	TH/ TN (6)	TT (7)	ĐA MH (8)	KL TN (9)	
II.2.01	ART430	Piano 1	3	2	1				
II.2.02	ART431	Piano 2	3	2	1				ART430
II.2.03	ART432	Piano 3	3	2	1				ART431
II.2.04	ART433	Piano 4	3	2	1				ART432
II.2.05	ART434	Piano 5	3	2	1				ART433
II.2.06	ART435	Piano 6	3	2	1				ART434
II.2.07	ART436	Piano 7	3	2	1				ART435
II.2.08	ART453	Thực nghiệm chuyên ngành 1 (Piano)	2	1	1				
II.2.09	ART454	Thực nghiệm chuyên ngành 2 (Piano)	2	1	1				ART453
II.2.10	ART420	Hòa tấu 1	2	1	1				
II.2.11	ART421	Hòa tấu 2	2	1	1				ART420
II.2.12	ART463	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	3	3					
II.2.13	ART425	Kỹ năng thị tấu	2	2					
II.2.14	ART464	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Piano)	3	3					
II.2.15	ART465	Thực tập nghề nghiệp 1 (Piano)	3		3				
II.2.16	ART466	Thực tập nghề nghiệp 2 (Piano)	3		3				ART456
II.2.17	ART416	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp 1 (Piano)	3	2	1				
II.2.18	ART418	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp 2 (Piano)	3	2	1				ART416
II.3. Kiến thức tốt nghiệp			9	0	0	0	0	9	
II.3.01	ART558	Chương trình tốt nghiệp Piano (chương trình biểu diễn)	9					9	
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			11	6	5	0	0	0	
III.01		Tin học chuẩn đầu ra							
III.02		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
III.03		Kỹ năng mềm							
III.04	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
III.05	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
III.06	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
III.07	DEE101	Giáo dục quốc phòng	8	6	2				